

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại Công văn số 4066/UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014 và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Công văn số 1761/UBND ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận.

Điều 1. Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận

Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Bình Thuận:

- a) Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Vĩnh Tân;
- b) Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Hòa Phú;

- c) Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phan Thiết;
- d) Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực đảo Phú Quý.
- 2. Vùng nước cảng biển dầu khí ngoài khơi mỏ Hồng Ngọc.
- 3. Vùng nước cảng biển dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Đen.
- 4. Vùng nước cảng biển dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Vàng.
- 5. Vùng nước cảng biển dầu khí ngoài khơi mỏ Thăng Long-Đông Đô.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận:

a) Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Vĩnh Tân:

Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm VT1, VT2, VT3 và VT4 có toạ độ sau đây:

VT1: $11^{\circ}18'37''$ N, $108^{\circ}48'32''$ E;

VT2: $11^{\circ}18'35''$ N, $108^{\circ}52'48''$ E;

VT3: $11^{\circ}17'00''$ N, $108^{\circ}53'55''$ E;

VT4: $11^{\circ}17'20''$ N, $108^{\circ}46'29''$ E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm VT1 chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Nam đến điểm VT4.

b) Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Hòa Phú:

Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HP1, HP2, HP3, HP4, HP5 và HP6 có toạ độ sau đây:

HP1: $11^{\circ}09'17''$ N, $108^{\circ}31'23''$ E;

HP2: $11^{\circ}08'47''$ N, $108^{\circ}32'33''$ E;

HP3: $11^{\circ}08'22''$ N, $108^{\circ}33'02''$ E;

HP4: $11^{\circ}07'13''$ N, $108^{\circ}33'53''$ E;

HP5: $11^{\circ}07'01''$ N, $108^{\circ}33'42''$ E;

HP6: $11^{\circ}09'05''$ N, $108^{\circ}31'12''$ E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm HP1 chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Nam đến điểm HP6.

c) Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phan Thiết:

Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm PT1, PT2, PT3, PT4, PT5 và PT6 có tọa độ sau đây:

PT1: $10^{\circ}55'03''$ N, $108^{\circ}06'15''$ E (Đầu kè Đông Bắc);

PT2: $10^{\circ}53'52''$ N, $108^{\circ}10'07''$ E;

PT3: $10^{\circ}53'04''$ N, $108^{\circ}10'07''$ E;

PT4: $10^{\circ}53'04''$ N, $108^{\circ}08'07''$ E;

PT5: $10^{\circ}54'43''$ N, $108^{\circ}05'48''$ E (Bãi cạn);

PT6: $10^{\circ}55'01''$ N, $108^{\circ}06'01''$ E (Đầu kè Tây Nam).

Ranh giới về phía đất liền: từ hai điểm PT1, PT6 chạy dọc theo hai bờ sông Cà Ty đến đường vĩ tuyến $10^{\circ}55'17''$ N cắt ngang sông.

d) Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực đảo Phú Quý:

Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm là vị trí lắp đặt báo hiệu hàng hải trên tuyến luồng vào cảng Phú Quý;

Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm PQ1, PQ2, PQ3 và PQ4 có tọa độ sau đây:

PQ1: $10^{\circ}30'12''$ N, $108^{\circ}57'05''$ E;

PQ2: $10^{\circ}30'11''$ N, $108^{\circ}57'05''$ E;

PQ3: $10^{\circ}30'10''$ N, $108^{\circ}57'01''$ E;

PQ4: $10^{\circ}30'11''$ N, $108^{\circ}57'02''$ E.

2. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Hồng Ngọc được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí HN có tọa độ sau đây:

HN: $10^{\circ}22'32''$ N, $108^{\circ}30'01''$ E.

3. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Đen được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí STD có tọa độ sau đây:

STD: $10^{\circ}25'24''$ N, $108^{\circ}23'38''$ E.

4. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Vàng được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí STV có tọa độ sau đây:

STV: $10^{\circ}21'52''$ N, $108^{\circ}22'30''$ E.

5. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Thăng Long-Đông Đô được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 03 hải lý, với tâm tại vị trí TL-ĐĐ có tọa độ sau đây:

TL-ĐĐ: $10^{\circ}08'06''$ N, $108^{\circ}33'56''$ E.

6. Phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số IA-200-10 của Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 1980. Tọa độ các điểm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển đổi sang các Hệ tọa độ tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh trú bão

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận và Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

1. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại các bến cảng và vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận;

b) Căn cứ quy định và tình hình thực tế về điều kiện khí tượng thủy văn, mớn nước, tính chất hàng hóa và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể